

# WEEKLY WRAP

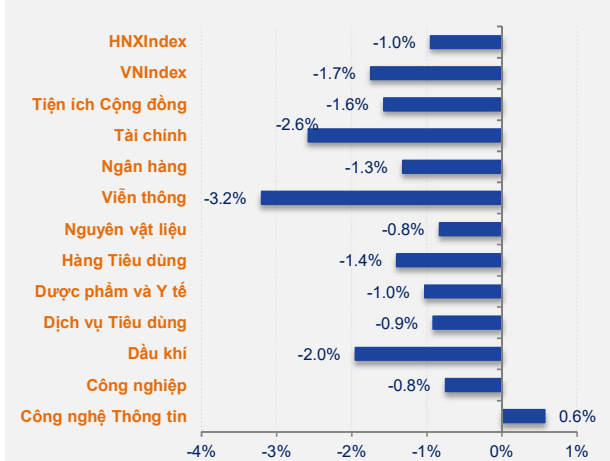
Tuần GD: 9/9/2024 - 13/9/2024

## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

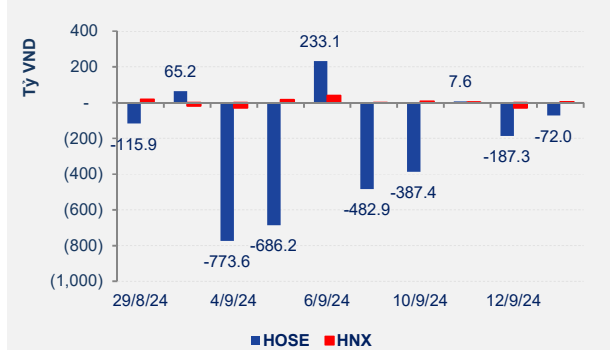
| Index Tuần                 | HOSE        | +/-    | HNX        | +/-   |
|----------------------------|-------------|--------|------------|-------|
| <b>Thông kê thị trường</b> |             |        |            |       |
| Index                      | 1,251.71 ↓  | -1.7%  | 232.42 ↓   | -1.0% |
| KLGD (trCP)                | 2,485.23 ↓  | -15.0% | 251.91 ↑   | 6.6%  |
| GTGD (tỷ VND)              | 61,685.10 ↓ | -18.0% | 4,729.56 ↓ | -1.0% |
| Tổng cung (trCP)           | 10,597.10 ↓ | -0.8%  | 405.90 ↓   | -9.0% |
| Tổng cầu (trCP)            | 11,871.83 ↓ | -1.7%  | 369.90 ↓   | -6.5% |

| Giao dịch NĐT nước ngoài |            |        |          |       |
|--------------------------|------------|--------|----------|-------|
| KL mua (trCP)            | 193.63 ↓   | -39.4% | 9.10 ↓   | -0.8% |
| KL bán (trCP)            | 240.95 ↓   | -37.4% | 13.12 ↑  | 17.8% |
| GT mua (tỷ VND)          | 7,101.08 ↓ | -33.0% | 267.31 ↓ | -8.2% |
| GT bán (tỷ VND)          | 8,223.25 ↓ | -30.7% | 284.58 ↑ | 8.3%  |

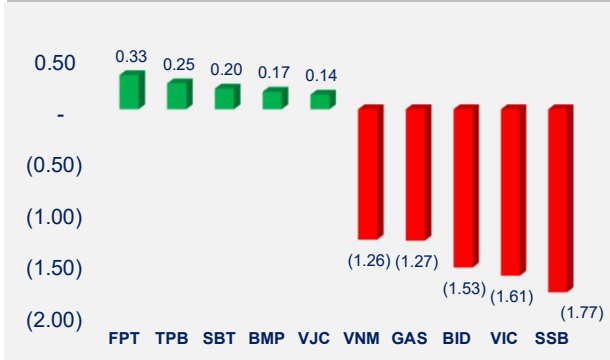
### Biến động giá Ngành theo Tuần



### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Cục Quản lý giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính) cho biết, tính đến 17h00 ngày 12/09, qua số liệu báo cáo từ doanh nghiệp (DN) bảo hiểm, các DN đã tiếp nhận thông tin khoảng hơn 9.000 số vụ thiệt hại về tài sản và xe cơ giới; ghi nhận 14 trường hợp tử vong, 18 vụ thuộc nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe. Tổng số tiền chi trả thiệt hại về con người và tài sản ước tính khoảng 7.000 nghìn tỷ đồng.

VN-INDEX giao dịch tuần này tiếp tục là một tuần giảm điểm với thanh khoản thấp. Điểm nhấn giao dịch diễn ra vào phiên thứ Ba (10/09) khi VN-Index giảm -12,5 điểm trước khi có 3 phiên cuối tuần đều đi ngang trong biên độ hẹp. Kết tuần VN-INDEX giảm -22,25 điểm (-1,75%) xuống mốc 1.251,71 điểm, HNX giảm 2,23 điểm (-0,95%) xuống 232,42 điểm. Độ rộng thị trường phiên cuối tuần nghiêng nhẹ về bên bán với 147 cổ phiếu giảm giá, 142 cổ phiếu tăng giá, 67 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 78 cổ phiếu tăng giá, 69 cổ phiếu tham chiếu và 60 cổ phiếu giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn tuần này cao hơn so với tuần giao dịch sau lễ trước đó (do có đủ 5 phiên giao dịch so với 3 phiên của tuần trước) nhưng giá trị giao dịch trung bình phiên trên 3 sàn giảm 21,29% trong đó giá trị khớp lệnh tại HOSE trong 2 phiên giao dịch cuối tuần giảm xuống dưới 10.000 tỷ và thấp nhất kể từ ngày 30/10/2023. Khối ngoại tuần này tiếp tục đà bán ròng với -1.122,65 tỷ đồng tại HOSE tập trung tại mã MSN (-316,83 tỷ), HPG (-309,95 tỷ), VPB (-249,19 tỷ) và MWG (-211,18 tỷ)...ở chiều ngược lại, mua ròng FPT (+238,27 tỷ), CTG (+128,62 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng tuần này từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -17,27 tỷ đồng, tập trung tại các mã SHS (-56,17 tỷ), MBS (-27,87 tỷ) và LAS (-10,78 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với IDC (+32,03 tỷ), PVS (+30,53 tỷ), PVI (+10,11 tỷ)...

Nhóm ngành tích cực góp phần cho điểm số của thị trường tuần này là Hóa Chất, Phân Bón và Cao Su với các mã CSV (+0,51%), DCM (+2,14%), BFC (+0,33%), GVR (+0,29%), PHR (+1,40%), ...

Một số nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến ấn tượng như Công Nghệ Thông Tin, tiêu biểu như FPT (+0,68%), ELC (+0,84%), ITD (+4,46%)...Nhóm Thực Phẩm Và Đồ Uống giao dịch khởi sắc với SBT (+8,37%), BAF (+12,68%), DBC (+5,56%), PAN (+3,97%)...

Ghi nhận trong tuần này, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã phân hóa điểm số như ngành Ngân Hàng với TPB (+2,54%), NAB (+1,85%)...VPB kết tuần tham chiếu (0%), tuy nhiên chiều giảm điểm có SSB (-15,28%), BID (-2,23%), TCB (-2,63%), CTG (-1,69%)...Nhóm ngành Bảo Hiểm chịu ảnh hưởng của bão lũ nên giao dịch kém tích cực với BVH (-4,58%), MIG (-7,71%), BMI (-3,99%), VNR (-5,57%), ABI (-6,54%), BIC (-5,91%), PVI (-3,62%)...Đa số cổ phiếu ngành Bất Động Sản có một tuần giao dịch trong sắc đỏ, cụ thể là VHM (-2,05%), VRE (-3,98%), CEO (-4,97%), DIG (-2%), HDG (-4%), NVL (-11,15%)...Ngành Chứng Khoán giảm điểm với SSI (-3,29%), VND (-2,72%), VIX (-4,24%), BSI (-2,37%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2409 tuần này -14,90 điểm (-1,14%), đóng cửa tại 1.294,10 điểm. Chênh lệch +1,50 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2410 VN30F2412 VN30F2503 chênh lệch từ -1,60 điểm đến -2,60 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch +85,19% so với tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 tuần. Xu hướng tuần tới của VN30F2409 khả năng tiếp tục vận động trong biên độ 1.280 điểm - 1.330 điểm. Khối lượng mở OI kết tuần này là 47.501 so với tuần gần nhất là 47.158 cho thấy xu hướng gia tăng không nhiều các vị thế nắm giữ.

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 9/9/2024 - 13/9/2024



Thị trường trải qua tuần giao dịch khá âm ảm với 02 phiên giao dịch cuối tuần khối lượng giao dịch ở mức thấp nhất kể từ tháng 4/2023 đến nay, khi dường như nhà đầu tư đang chịu ảnh hưởng lớn từ diễn biến, hậu quả nặng nề của cơn bão Yagi. VN-INDEX có 05 phiên chịu áp lực điều chỉnh từ 1.270 điểm về vùng giá 1.250 điểm. Kết tuần VN-INDEX giảm -1,75% so với tuần trước về mức 1.251,71 điểm, trong vùng giá cao nhất năm 2023. Điểm tích cực là thị trường phân hóa tương đối tốt, khối lượng giao dịch trung bình khoảng 463 triệu cổ phiếu/phiên trên VN-INDEX, thể hiện áp lực điều chỉnh tương đối bình thường, có tính chất tích lũy. Trong khi VN30 giảm -1,60% về 1.294,30 điểm, giao dịch dưới các vùng giá trung bình ngắn hạn và đỉnh giá cao nhất tháng 3/2024.

Ngắn hạn xu hướng VN-INDEX kém tích cực khi giao dịch dưới vùng giá trung bình 20 phiên, tương ứng 1.265 điểm - 1.270 điểm. VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực kiểm tra lại vùng giá quanh 1.250 điểm, đây là vùng giá cao nhất năm 2023, cũng như vùng hỗ trợ của kênh tích lũy trung hạn. Mặc dù chúng tôi cho rằng đây là vùng giá tương đối hợp lý đối với triển vọng tăng trưởng của thị trường, với kỳ vọng thị trường sẽ dần phân hóa, có thể mở ra nhiều vị thế tích lũy hợp lý dựa vào triển vọng tăng trưởng của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh quý III/2024. Tuy nhiên diễn biến giao dịch hiện tại vẫn chưa cho thấy lực cầu, dòng tiền ngắn hạn gia tăng tốt trở lại. Kỳ vọng trong tuần sau, VN-INDEX có thể tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá 1.250 điểm và phục hồi kiểm tra lại vùng kháng cự gần nhất hiện nay tương ứng quanh 1.265 điểm. Các vị thế giao dịch ngắn hạn, nên chờ chỉ số VN-INDEX vượt lên xu hướng điều chỉnh kéo dài từ 29/08/2024 đến nay (theo hình).

Trong trung hạn, VN-Index vẫn duy trì tích lũy tích cực trong vùng 1.250 điểm - 1.255 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Cần lưu ý kênh tích lũy từ 1.250 điểm đến 1.300 điểm là nửa trên của kênh giá lớn hơn 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm - 1.320 điểm đã kéo dài từ đầu năm đến nay. Nếu không có các yếu tố bất định mới, chúng tôi cho rằng VN-INDEX tiếp tục tích lũy trong vùng giá 1.250 điểm đến 1.300 điểm và kỳ vọng sẽ vượt lên vùng giá 1.300 điểm để hướng đến các vùng giá cao hơn 1.320 điểm trong quý IV/2024. Trong đó 1.255 điểm là vùng giá cao nhất năm 2023, 1.300 điểm - 1.320 điểm là các vùng kháng cự rất mạnh, đỉnh giá tháng 06-8/2022 và đỉnh giá các tháng đầu năm 2024. Cần lưu ý, thị trường chỉ có thể vượt qua các vùng đỉnh, kháng cự mạnh này, chỉ khi có các yếu tố hỗ trợ vĩ mô tốt, kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội.

Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng đây là vùng giá tương đối hợp lý đối với triển vọng tăng trưởng của thị trường. Nhà đầu tư có thể xem xét, cân nhắc gia tăng, mở rộng danh mục theo dõi giải ngân khi chỉ số VN-INDEX kiểm định vững chắc biên độ dưới 1.250 điểm -1.255 điểm của kênh tích lũy trung hạn, với kỳ vọng thị trường sẽ cải thiện tốt hơn, dòng tiền có thể gia tăng trở lại sau khi FED có thể bắt đầu quyết định giảm lãi suất trong kỳ họp tuần sau. Trên quan điểm thận trọng, chúng tôi chờ thanh khoản thị trường cải thiện để xem xét mở rộng danh mục giải ngân mới. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã cổ phiếu đầu ngành, nền tảng cơ bản tốt, kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng tốt, triển vọng kết quả kinh doanh quý III tăng trưởng tích cực.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD:

9/9/2024

-

13/9/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục<br>tiêu (1.000<br>đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
|     |                          |                                  |                              |                         | P/E             | T.trường<br>Doanh thu | T.trường<br>Lợi nhuận |                     |
| PVD | 26.00                    | 26-27                            | 30-31                        | 24                      | 22.6            | 59.8%                 | -17.0%                | Theo dõi giải ngân  |
| MBB | 23.90                    | 23-24                            | 27-28                        | 22                      | 5.9             | -0.1%                 | 23.2%                 | Theo dõi giải ngân  |
| VHM | 43.00                    | 38-39                            | 45-47                        | 36                      | 8.1             | -13.5%                | 11.3%                 | Theo dõi giải ngân  |
| HDG | 27.60                    | 27-28.5                          | 32-33                        | 26                      | 13.9            | -7.4%                 | 110.0%                | Theo dõi giải ngân  |
| NTL | 20.65                    | 18-19                            | 24-25                        | 16                      | 3.3             | 1622.9%               | 105747.1%             | Theo dõi giải ngân  |
| VLB | 40.12                    | 36-37                            | 42-44                        | 34                      | 10.3            | 38.7%                 | 74.9%                 | Theo dõi giải ngân  |
| BIC | 31.50                    | 27-29                            | 33-34                        | 27                      | 7.3             | 25.7%                 | 32.8%                 | Theo dõi giải ngân  |
| SIP | 73.50                    | 68-70                            | 76-78                        | 66                      | 14.3            | 16.5%                 | 15.9%                 | Theo dõi giải ngân  |
| LHG | 36.75                    | 32-34                            | 39-40                        | 30                      | 9.5             | 142.7%                | 178.7%                | Theo dõi giải ngân  |
| DPR | 40.85                    | 38-39                            | 44-45                        | 36                      | 14.3            | 59.6%                 | 153.1%                | Theo dõi giải ngân  |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị<br>thé | Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả<br>đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|-------------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------------|
| 17/6/2024         | CLX | 15.66                    | 16.8                | 26-28                     | 15.5                    | -6.8%                  | Nắm giữ                    |
| 18/7/2024         | DPM | 35.50                    | 33.2                | 40-41                     | 35                      | 6.9%                   | Nắm giữ                    |
| 24/7/2024         | POW | 12.80                    | 12.8                | 14.4-14.8                 | 13                      | 0.0%                   | Nắm giữ                    |
| 8/8/2024          | BSR | 23.19                    | 22.6                | 27-28                     | 23                      | 2.6%                   | Nắm giữ                    |

## TIN VĨ MÔ

**Hải Phòng chỉ đạo xử lý nghiêm việc găm hàng, tăng giá sau bão số 3**

UBND TP Hải Phòng vừa có văn bản chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đầu cơ găm hàng, tăng giá bất hợp lý, nhằm ổn định thị trường sau bão số 3. Theo đó, UBND TP Hải Phòng chỉ đạo, giao Sở Công Thương chủ trì cùng Cục Quản lý thị trường thành phố, Công an thành phố, các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan chủ động bám sát diễn biến thị trường, cung cầu hàng hóa. Trong đó, yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ, hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, các đơn vị cung cấp dịch vụ... đảm bảo duy trì cung ứng hàng hóa, lương thực, thực phẩm, xăng dầu, LPG.... Cùng với đó, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến.

**ECB hạ lãi suất lần thứ hai trong năm nay**

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 12/9 hạ lãi suất cơ bản đồng euro về mức 3,5% trong bối cảnh lạm phát ở khu vực sử dụng đồng euro (eurozone) tiếp tục xuống thang và xuất hiện những dấu hiệu cho thấy nền kinh tế có nguy cơ rơi vào ngưng trệ. Động thái giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm này của ECB không nằm ngoài dự báo của giới phân tích, đồng thời là đợt giảm lãi suất thứ hai của châu Âu trong năm nay. Hồi tháng 6, ECB có đợt giảm lãi suất đầu tiên trong 5 năm, đánh dấu sự xoay trục khỏi chiến dịch tăng lãi suất để chống lạm phát.

**Hà Nội ra quy định mới về bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp**

UBND TP Hà Nội vừa ban hành Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20/9/2024. Theo quyết định này, đối với đất nông nghiệp, quy định mức bồi thường chi phí đầu tư còn lại là 50.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất trồng lúa nước và 35.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất trồng cây lâu năm. Mức bồi thường tối đa cho mỗi người sử dụng đất không vượt quá 250 triệu đồng. Đối với đất phi nông nghiệp, mức bồi thường là 35.000 đồng/m<sup>2</sup>.

**Ấn Độ sẽ áp thuế từ 12% đến 30% đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu từ Trung Quốc và Việt Nam.**

Theo lệnh mới được Bộ Tài chính Ấn Độ ban hành ngày 10/9, các sản phẩm ống thép và ống thép không gỉ hàn từ Trung Quốc - nhà sản xuất thép lớn nhất thế giới - và Việt Nam sẽ chịu mức thuế mới trong vòng năm năm tới. Đây được xem là một phần trong chiến lược dài hạn của Ấn Độ nhằm bảo vệ ngành công nghiệp thép nội địa trước sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ nước ngoài. Trong tháng 8/2024, Chính phủ Ấn Độ cũng tiến hành một cuộc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu từ Việt Nam.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Ngân hàng đầu tiên công bố giảm lãi suất cho vay sau bão Yagi, lên tới 1%/năm**

Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về việc xem xét miễn giảm lãi vay, cơ cấu nợ và hỗ trợ khách hàng vay mới bị ảnh hưởng bởi bão Yagi, VPBank đã quyết định triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay. Theo đó, VPBank sẽ giảm trực tiếp lãi suất cho vay cho tất cả các khách hàng cá nhân có khoản vay hiện hữu tại ngân hàng và có tài sản bảo đảm. Cụ thể, các khoản vay trung và dài hạn sẽ được VPBank giảm 1% lãi suất, các khoản vay ngắn hạn được giảm 0,5% lãi suất. Chương trình hỗ trợ lãi suất của VPBank được triển khai từ 13/9 đến hết 31/12/2024, áp dụng tại tất cả các tỉnh thành phố đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão Yagi như Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Nguyên, Yên Bái ... Bên cạnh giảm lãi suất vay, VPBank cũng điều triển khai cho vay với lãi suất cực kỳ hấp dẫn chỉ 6,5%/năm cố định 12 tháng đầu tiên cho toàn bộ các khách hàng có nhu cầu vay trả nợ trước hạn tại ngân hàng khác hoặc vay mua BĐS, vay xây dựng sửa chữa nhà.

**Đóng cửa nhiều phòng giao dịch, SCB giảm hạn mức chuyển tiền nhanh còn tối đa 10 triệu đồng/lần/ngày**

Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) thông báo từ 13h ngày 12/09/2024, áp dụng hạn mức giao dịch Chuyển tiền nhanh Napas 247 dành cho Khách hàng cá nhân tối đa 10 triệu đồng/lần/ngày/khách hàng. Hạn mức này áp dụng với tất cả giao dịch tại quầy và qua kênh SCB eBanking. Song song đó, SCB liên tục chấm dứt hoạt động các phòng giao dịch kể từ khi vào diện kiểm soát đặc biệt từ cuối năm 2022. Theo thống kê của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA), tính từ tháng 6/2023 đến nay, SCB đã giải thể hoạt động 120 phòng giao dịch tại các tỉnh thành, riêng tại TPHCM là 64 phòng giao dịch, tại các tỉnh thành khác là 56 phòng giao dịch.

**“Chốt” nhà thầu thi công gói thầu hơn 6.200 tỷ đồng làm sân đỗ tàu bay Cảng hàng không quốc tế Long Thành**

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) vừa công bố kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện Gói thầu số 4.7: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình sân đỗ tàu bay nhà ga hành khách, cùng các công trình khác thuộc Dự án thành phần 3, Dự án Đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1. Nhà thầu trúng thầu là Liên danh Tổng công ty Xây dựng công trình hàng không ACC, bao gồm các doanh nghiệp: Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG), CTCP Phát triển Đầu tư xây dựng Việt Nam, CTCP Tập đoàn Cienco4 (C4G), và CTCP Xây dựng công trình hàng không Sáu Bốn Bảy.

**SHB lan tỏa “Tâm yêu thương”, chia sẻ khó khăn với đồng bào chịu thiệt hại bão lũ**

Phát huy tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, truyền thống chia sẻ yêu thương, SHB quyết định trao số tiền 2 tỷ đồng cùng toàn ngành ngân hàng gửi đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để kịp thời hỗ trợ các địa phương chịu ảnh hưởng của bão lũ. Bên cạnh đó, SHB cũng kêu gọi toàn thể CBNV ngân hàng cùng chung tay hướng về đồng bào vùng bị thiên tai qua chương trình “Tâm yêu thương” và đang nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của lãnh đạo và nhân viên toàn hàng. Toàn bộ số tiền quyên góp sẽ được chuyển thành những phần cứu trợ cho người dân trong và sau lũ.





## TOP GIAO DỊCH TUẦN

## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng  |
|----|-------|-------------|-------|--------------|
| 1  | DXG   | 4,887,200   | VPB   | (13,583,046) |
| 2  | TPB   | 4,378,831   | HPG   | (12,220,186) |
| 3  | CTG   | 3,663,679   | HSG   | (5,983,400)  |
| 4  | MSB   | 3,075,000   | HDB   | (5,861,995)  |
| 5  | STB   | 2,851,688   | VCI   | (4,433,217)  |

## HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | PVS   | 736,250     | SHS   | (3,757,826) |
| 2  | IDC   | 544,920     | MBS   | (1,037,400) |
| 3  | PVI   | 224,600     | LAS   | (474,000)   |
| 4  | GKM   | 198,500     | TNG   | (394,400)   |
| 5  | BVS   | 123,800     | AAV   | (150,900)   |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %         | KLGD        |
|-----|------------|----------|-----------|-------------|
| NVL | 13.00      | 11.55    | ↓ -11.15% | 124,906,400 |
| SHB | 10.35      | 10.30    | ↓ -0.48%  | 99,301,965  |
| HPG | 25.40      | 25.00    | ↓ -1.57%  | 85,043,824  |
| VPB | 18.45      | 18.45    | ⇒ 0.00%   | 84,275,009  |
| TCB | 22.80      | 22.20    | ↓ -2.63%  | 82,081,405  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %         | KLGD       |
|-----|------------|----------|-----------|------------|
| SHS | 15.60      | 14.80    | ↓ -5.13%  | 54,872,286 |
| CEO | 16.10      | 15.30    | ↓ -4.97%  | 24,044,913 |
| HUT | 17.00      | 16.60    | ↓ -2.35%  | 16,728,178 |
| MBS | 27.10      | 27.30    | ↑ 0.74%   | 13,392,362 |
| NRC | 3.60       | 2.70     | ↓ -25.00% | 12,528,894 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| AGM | 2.82       | 3.71     | 0.9 | ↑ 31.56% |
| TTE | 14.00      | 17.00    | 3.0 | ↑ 21.43% |
| SGR | 39.55      | 46.65    | 7.1 | ↑ 17.95% |
| TCD | 5.02       | 5.85     | 0.8 | ↑ 16.53% |
| BAF | 17.75      | 20.00    | 2.3 | ↑ 12.68% |

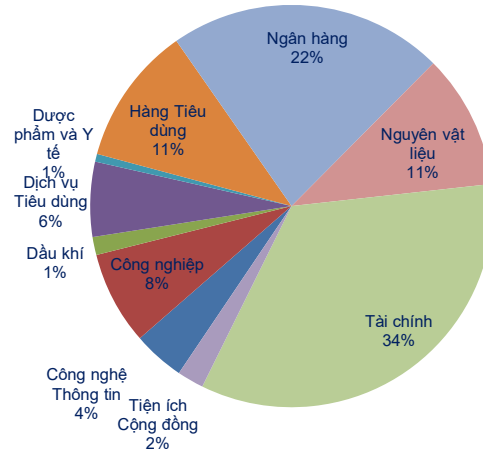
| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| CTP | 30.30      | 42.70    | 12.4 | ↑ 40.92% |
| SPI | 2.40       | 3.30     | 0.9  | ↑ 37.50% |
| PTD | 5.00       | 6.80     | 1.8  | ↑ 36.00% |
| ITQ | 2.60       | 3.00     | 0.4  | ↑ 15.38% |
| VLA | 10.90      | 12.40    | 1.5  | ↑ 13.76% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| VCI | 45.50      | 33.40    | -12.1 | ↓ -26.59% |
| DGW | 62.00      | 46.30    | -15.7 | ↓ -25.32% |
| DRH | 2.32       | 1.90     | -0.4  | ↓ -18.10% |
| SVT | 13.65      | 11.20    | -2.5  | ↓ -17.95% |
| SSB | 18.00      | 15.25    | -2.8  | ↓ -15.28% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| NRC | 3.60       | 2.70     | -0.9 | ↓ -25.00% |
| VCM | 20.00      | 15.00    | -5.0 | ↓ -25.00% |
| CMS | 9.70       | 8.30     | -1.4 | ↓ -14.43% |
| KKC | 6.70       | 5.80     | -0.9 | ↓ -13.43% |
| VIF | 17.80      | 15.50    | -2.3 | ↓ -12.92% |

(\*) Giá điều chỉnh

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**
**Giá trị giao dịch tuần theo Ngành**

**P/E và Thị Trường**

**Top KLGD lớn nhất HOSE**

| Mã  | KLGD        | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-------------|-------|-------|------|-----|
| NVL | 124,906,400 | 4.9%  | 1,124 | 10.1 | 0.5 |
| SHB | 99,301,965  | 15.6% | 2,240 | 4.6  | 0.7 |
| HPG | 85,043,824  | 10.7% | 1,746 | 14.4 | 1.5 |
| VPB | 84,275,009  | 8.7%  | 1,530 | 12.1 | 1.1 |
| TCB | 82,081,405  | 16.0% | 3,048 | 7.3  | 1.1 |

**Top KLGD lớn nhất HNX**

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 54,872,286 | 5.7%  | 688   | 21.4  | 1.1 |
| CEO | 24,044,913 | 2.6%  | 309   | 48.9  | 1.3 |
| HUT | 16,728,178 | 0.5%  | 70    | 235.4 | 1.3 |
| MBS | 13,392,362 | 14.4% | 1,653 | 16.2  | 2.3 |
| NRC | 12,528,894 | 2.9%  | 403   | 7.5   | 0.2 |

**Top Đột biến giá HOSE**

| Mã  | +/-%    | ROE     | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|---------|---------|------|-----|
| AGM | ↑ 31.6% | -530.4% | -13,812 | -    | 0.0 |
| TTE | ↑ 21.4% | 3.1%    | 340     | 50.0 | 1.5 |
| SGR | ↑ 18.0% | 5.5%    | 829     | 52.6 | 2.9 |
| TCD | ↑ 16.5% | 2.1%    | 241     | 22.8 | 0.5 |
| BAF | ↑ 12.7% | 8.2%    | 890     | 21.6 | 1.7 |

**Top Đột biến giá HNX**

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS    | P/E   | P/B |
|-----|---------|--------|--------|-------|-----|
| CTP | ↑ 40.9% | 0.0%   | 1      | ##### | 3.5 |
| SPI | ↑ 37.5% | -5.2%  | -419   | -     | 0.4 |
| PTD | ↑ 36.0% | -28.2% | -3,026 | -     | 0.6 |
| ITQ | ↑ 15.4% | 0.4%   | 38     | 73.4  | 0.3 |
| VLA | ↑ 13.8% | -18.8% | -2,175 | -     | 1.3 |

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE**

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| DXG | 4,887,200 | 1.2%  | 272   | 53.6 | 0.7 |
| TPB | 4,378,831 | 14.1% | 2,145 | 8.5  | 1.1 |
| CTG | 3,663,679 | 15.7% | 3,782 | 9.3  | 1.4 |
| MSB | 3,075,000 | 14.8% | 1,820 | 6.2  | 0.9 |
| STB | 2,851,688 | 17.6% | 4,340 | 6.8  | 1.1 |

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX**

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 736,250 | 6.8%  | 1,932 | 21.1  | 1.4 |
| IDC | 544,920 | 30.1% | 5,573 | 10.5  | 3.1 |
| PVI | 224,600 | 0.5%  | 183   | 244.0 | 1.2 |
| GKM | 198,500 | 18.0% | 2,075 | 16.7  | 3.2 |
| BVS | 123,800 | 8.1%  | 2,648 | 14.8  | 1.2 |

**Top Vốn hóa HOSE**

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 500,224 | 19.5% | 5,962 | 15.0 | 2.8 |
| BID | 275,616 | 18.1% | 4,006 | 12.1 | 2.0 |
| FPT | 193,217 | 23.3% | 4,890 | 27.1 | 5.9 |
| GAS | 192,007 | 16.4% | 4,760 | 17.6 | 2.7 |
| CTG | 187,950 | 15.7% | 3,782 | 9.3  | 1.4 |

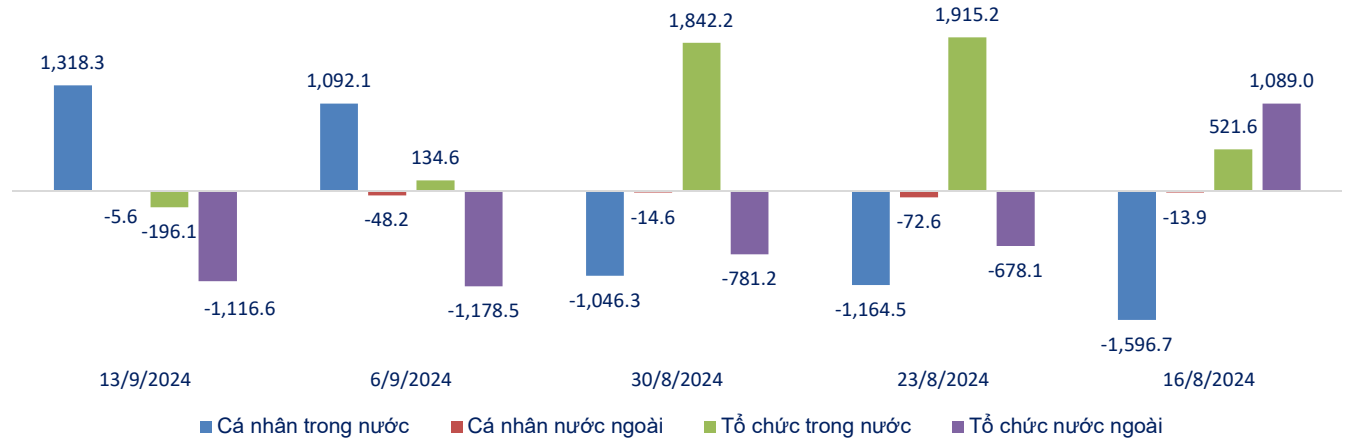
**Top Vốn hóa HNX**

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 19,453  | 6.8%  | 1,932 | 21.1  | 1.4 |
| IDC | 19,239  | 30.1% | 5,573 | 10.5  | 3.1 |
| HUT | 14,726  | 0.5%  | 70    | 235.4 | 1.3 |
| MBS | 14,661  | 14.4% | 1,653 | 16.2  | 2.3 |
| THD | 13,744  | 3.0%  | 450   | 79.3  | 3.2 |



## GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VPB | 406.06  | 8.7%  | 1,530 | 12.1  | 1.1 |
| HPG | 405.52  | 10.7% | 1,746 | 14.4  | 1.5 |
| MSN | 282.46  | 1.7%  | 488   | 153.9 | 2.3 |
| EIB | 195.04  | 9.8%  | 1,273 | 14.4  | 1.4 |
| HDB | 177.11  | 25.1% | 4,158 | 6.3   | 1.4 |

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| FPT | -252.19 | 23.3% | 4,890 | 27.1 | 5.9 |
| CTG | -196.52 | 15.7% | 3,782 | 9.3  | 1.4 |
| PC1 | -158.72 | 5.1%  | 1,203 | 24.1 | 1.2 |
| DGC | -123.05 | 23.9% | 7,937 | 14.3 | 3.2 |
| VHM | -107.89 | 12.2% | 5,350 | 8.1  | 0.9 |

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| TRC | 12.54   | 5.4%  | 3,105 | 12.8 | 0.7 |
| TCB | 12.39   | 16.0% | 3,048 | 7.3  | 1.1 |
| SAB | 7.26    | 16.4% | 3,303 | 16.8 | 2.8 |
| DGW | 6.11    | 13.8% | 2,249 | 26.9 | 3.6 |
| DGC | 3.21    | 23.9% | 7,937 | 14.3 | 3.2 |

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| CTG | -22.86  | 15.7% | 3,782 | 9.3  | 1.4 |
| SSI | -12.35  | 12.0% | 1,892 | 17.0 | 2.0 |
| ORS | -4.92   | 9.5%  | 1,118 | 10.9 | 1.1 |
| HDG | -2.89   | 9.0%  | 1,958 | 14.1 | 1.3 |
| GAS | -2.84   | 16.4% | 4,760 | 17.6 | 2.7 |

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PC1 | 139.33  | 5.1%  | 1,203 | 24.1 | 1.2 |
| VHM | 129.65  | 12.2% | 5,350 | 8.1  | 0.9 |
| VCB | 78.20   | 19.5% | 5,962 | 15.0 | 2.8 |
| CTG | 67.90   | 15.7% | 3,782 | 9.3  | 1.4 |
| ACB | 56.59   | 22.9% | 3,676 | 6.7  | 1.5 |

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | -156.86 | 8.7%  | 1,530 | 12.1 | 1.1 |
| EIB | -130.24 | 9.8%  | 1,273 | 14.4 | 1.4 |
| HPG | -95.57  | 10.7% | 1,746 | 14.4 | 1.5 |
| PAC | -72.64  | 12.7% | 2,540 | 16.9 | 2.2 |
| SHB | -69.43  | 15.6% | 2,240 | 4.6  | 0.7 |

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| FPT | 235.66  | 23.3% | 4,890 | 27.1 | 5.9 |
| CTG | 151.48  | 15.7% | 3,782 | 9.3  | 1.4 |
| VNM | 109.10  | 27.0% | 4,636 | 16.1 | 4.1 |
| STB | 84.99   | 17.6% | 4,340 | 6.8  | 1.1 |
| TPB | 78.51   | 14.1% | 2,145 | 8.5  | 1.1 |

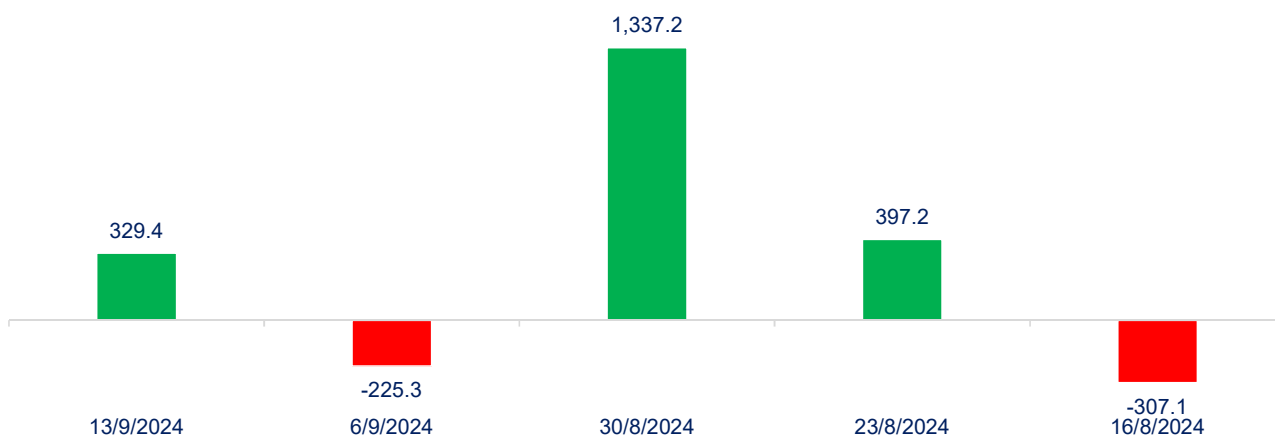
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| MSN | -317.17 | 1.7%  | 488   | 153.9 | 2.3 |
| HPG | -308.66 | 10.7% | 1,746 | 14.4  | 1.5 |
| VPB | -248.63 | 8.7%  | 1,530 | 12.1  | 1.1 |
| MWG | -210.17 | 8.9%  | 1,507 | 44.8  | 3.7 |
| HDB | -156.53 | 25.1% | 4,158 | 6.3   | 1.4 |

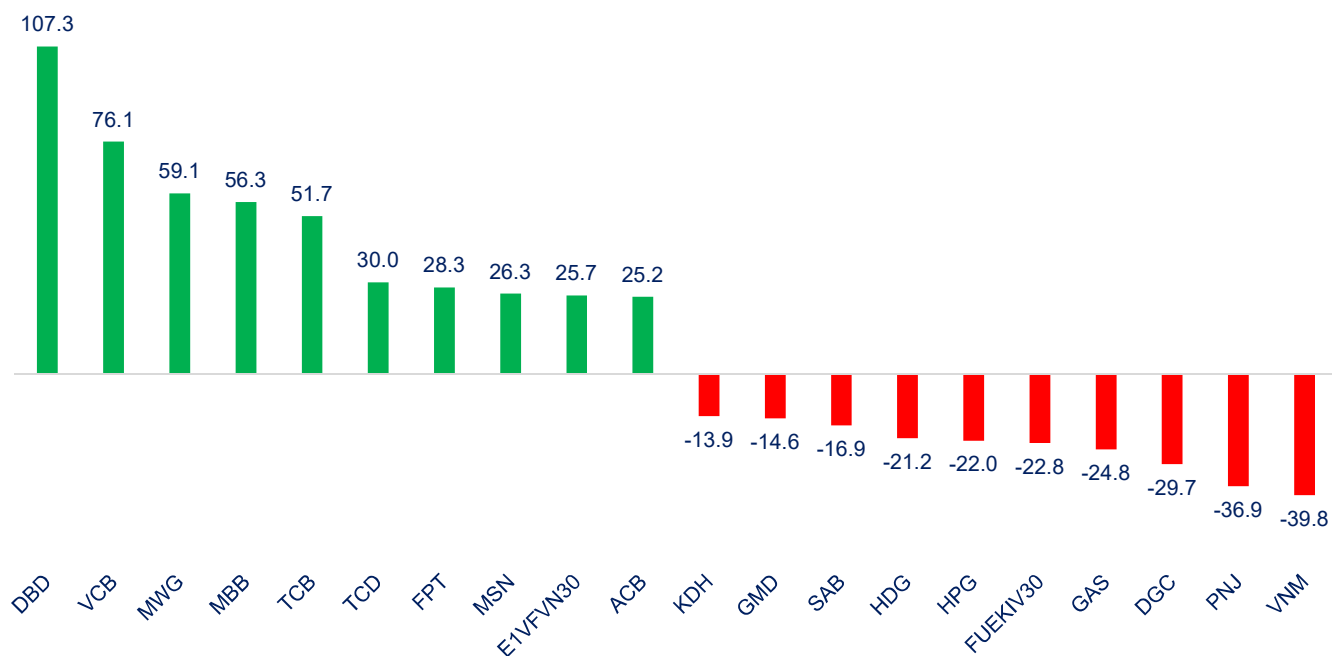


**GIAO DỊCH TỰ DOANH**

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

| Ngày thông báo | Ngày thực hiện | Ngày ĐKCC | Ngày GDKHQ | Mã CK           | Loại sự kiện                               |
|----------------|----------------|-----------|------------|-----------------|--------------------------------------------|
| 12/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>CCM</b>      | Giao dịch nội bộ                           |
| 12/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>VNT</b>      | Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên qua |
| 14/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>VST</b>      | Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức        |
| 13/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>VNH</b>      | Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên qua |
| 13/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>CMM</b>      | Giao dịch nội bộ                           |
| 15/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>PVS</b>      | Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức        |
| 20/8/2024      | 13/9/2024      | 30/8/2024 | 29/8/2024  | <b>TLG</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |
| 16/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>ALT</b>      | Giao dịch nội bộ                           |
| 15/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>HLD</b>      | Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên qua |
| 15/8/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>TJC</b>      | Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức        |
| 28/8/2024      | 13/9/2024      | 10/9/2024 | 9/9/2024   | <b>PAP</b>      | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản            |
| 23/8/2024      | 13/9/2024      | 16/9/2024 | 13/9/2024  | <b>GAS</b>      | Phát hành cổ phiếu                         |
| 13/9/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>FUESSV30</b> | Niêm yết thêm                              |
| 13/9/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>FUEVFNVD</b> | Niêm yết thêm                              |
| 12/9/2024      | 13/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>TNH</b>      | Niêm yết thêm                              |
| 11/9/2024      | 13/9/2024      | 16/9/2024 | 13/9/2024  | <b>DGW</b>      | Phát hành cổ phiếu                         |
| 4/11/2021      | 16/9/2024      | 13/9/2024 | 13/9/2024  | <b>C69</b>      | Niêm yết thêm                              |
| 30/7/2024      | 16/9/2024      | 22/8/2024 | 21/8/2024  | <b>BDW</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |
| 2/8/2024       | 16/9/2024      | 20/8/2024 | 19/8/2024  | <b>CNN</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |
| 1/8/2024       | 16/9/2024      | 19/8/2024 | 16/8/2024  | <b>KCE</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |
| 6/8/2024       | 16/9/2024      | 30/8/2024 | 29/8/2024  | <b>ILB</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |
| 5/8/2024       | 16/9/2024      | 15/8/2024 | 14/8/2024  | <b>NTW</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |
| 9/8/2024       | 16/9/2024      | 23/8/2024 | 22/8/2024  | <b>THU</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |
| 21/8/2024      | 16/9/2024      | 4/9/2024  | 30/8/2024  | <b>CLL</b>      | Trả cổ tức bằng tiền mặt                   |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy  
[duy.vt@shs.com.vn](mailto:duy.vt@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngõ Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, 235  
Đông Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---